

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán.

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Bộ phận kinh doanh bán buôn và bán lẻ trực thuộc Công ty thương mại đầu tư và phát triển Bình Dương (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) theo Quyết định số 30/2002/QĐ-UB ngày 20 tháng 3 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 3700413826 (số cũ là 4603000041), đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 04 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1.000.000.000.000 VND

Trong đó:

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	607.005.000.000	60,70
Các cổ đông khác	392.995.000.000	39,30
Cộng	1.000.000.000.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 16 tháng 4 năm 2010 với mã chứng khoán là TDC.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (84 – 650) 2 220 666 – 2 220 677
Fax : (84 – 650) 2 220 678
Mã số thuế : 3 7 0 0 4 1 3 8 2 6

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng Bình Dương	Số 236, Đường DT 743, phường Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp bê tông trộn sẵn Mỹ Phước	Đường D1, khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh 3 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	107 – 109 – 111 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	áp 2, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland	Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh 1 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland	Số Q9-5,6,7 đường JF1B, Khu phố Thương mại Unitown, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh 02 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng	Số 175 đường 359, xã Tân Dương, huyện Thuý Nguyên, TP. Hải Phòng.
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland tại Bàu Bàng	Số 1, lô A, Đường NC, khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Bàu Bàng, xã Lai Uyên, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp;
- Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đại lý phân phối hàng hóa cho các nhà sản xuất trong và ngoài nước;
- Môi giới bất động sản; tư vấn bất động sản; đấu giá bất động sản;
- Quảng cáo bất động sản;
- Quản lý bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- Hoạt động của các tổ chức khác chưa được phân vào đâu;
- Tổ chức các trận thi đấu bóng đá;
- Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao;
- Mua bán máy móc, thiết bị điện tử, hàng trang trí nội – ngoại thất;
- Mua bán máy móc, thiết bị điện;
- Nhập khẩu và mua bán các thiết bị thể dục thể thao;
- Mua bán thiết bị điện dân dụng – công nghiệp, phụ tùng ngành công nghiệp điện, thiết bị cơ – điện lạnh, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị báo cháy, thiết bị chống trộm, thiết bị quan sát;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất bảng 1 theo công ước quốc tế);
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Gia công, chế biến đá xây dựng;
- Sản xuất bê tông cốt thép đúc sẵn;
- Sản xuất cầu kiện bằng thép;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế nội – ngoại thất công trình;
- Thiết kế công trình điện dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Lập dự án đầu tư;
- Đầu tư tài chính;
- Kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh các công việc phụ trợ phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng (bê tông);
- Sản xuất thiết bị ngành điện dân dụng – công nghiệp;
- Sản xuất thiết bị cơ, điện lạnh (không gia công, sản xuất tại trụ sở chính, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch);
- Thi công lắp đặt hệ thống cơ, điện lạnh, hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp đến 35 KV;

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy, hệ thống chống trộm, thiết bị quan sát;
- Mạ, đánh bóng kim loại;
- Xử lý kim loại bằng phương tiện nhiệt;
- Phun cát, trộn, làm sạch kim loại;
- Nhuộm màu, chạm, in kim loại;
- Phủ á kim như: tráng men, sơn mài;
- Mài, đánh bóng kim loại;
- Khoan, tiện, nghiền, mài, bào, đục, cưa, đánh bóng, hàn, nối, ... các phần khung kim loại;
- Cắt hoặc viết lên kim loại bằng phương tiện tia lazer (không gia công, sản xuất tại trụ sở chính, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch);
- Xử lý nước thải (không xử lý tại trụ sở chính, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch);
- Tư vấn và đào tạo nghề gia công cơ khí;
- Xử lý và tráng phủ kim loại (chỉ được hoạt động sau khi thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giáo dục, dạy nghề).

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân	Lô A-9B-CN-KCN Bàu Bàng, xã Lai Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Số 3701545462 điều chỉnh lần 8 ngày 02 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	70,59%
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	D12, đường Lê Hoàn, Phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Số 3701535016 ngày 18 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp	77,07%
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Đường D1 – Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Số 3700877200 ngày 13 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	58,00%
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Áp Mương Đào, Xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	Số 3700945605 ngày 10 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và đầu tư Bình Dương cấp	81,00%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 09 đến trang 55).

Trong năm, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đã phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2014 như sau:

	VND
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5,5% lợi nhuận sau thuế)	7.685.298.970
- Trích thù lao Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát – Thư ký	700.000.000
- Trích thưởng Ban điều hành	500.000.000
- Chi trả cổ tức (14% vốn điều lệ)	140.000.000.000
Cộng	148.885.298.970

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Dành	Chủ tịch	24 tháng 4 năm 2014	-
Bà Bùi Thị Lan	Phó Chủ tịch	24 tháng 4 năm 2014	-
Ông Đoàn Văn Thuận	Thành viên	24 tháng 4 năm 2014	-
Bà Huỳnh Thị Phương Thảo	Thành viên	24 tháng 4 năm 2014	-
Ông Quảng Văn Việt Cường	Thành viên	24 tháng 4 năm 2014	-
Ông Nguyễn Hoàn Vũ	Thành viên	24 tháng 4 năm 2014	-
Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc	Thành viên	24 tháng 4 năm 2014	-
Bà Bùi Thị Lan	Chủ tịch	11 tháng 11 năm 2005	23 tháng 4 năm 2014
Ông Quảng Văn Việt Cường	Thành viên	11 tháng 11 năm 2005	23 tháng 4 năm 2014
Ông Lê Minh Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	23 tháng 4 năm 2014
Ông Đoàn Văn Thuận	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	23 tháng 4 năm 2014
Bà Huỳnh Thị Phương Thảo	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	23 tháng 4 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Trưởng ban	24 tháng 04 năm 2014	-
Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan	Thành viên	24 tháng 04 năm 2014	-
Bà Lê Thị Diệu Thanh	Thành viên	24 tháng 04 năm 2014	-
Bà Dương Hồng Ty	Trưởng ban	07 tháng 11 năm 2003	23 tháng 4 năm 2014
Bà Nguyễn Ngô Hương Dương	Thành viên	01 tháng 04 năm 2002	23 tháng 4 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Văn Thuận	Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Lê Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Phan Minh Lâm	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 02 năm 2011	-
Ông Hồ Hoàn Thành	Phó Tổng Giám đốc	08 tháng 5 năm 2014	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đảm bảo rằng, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Bùi Thị Lan
Phó Chủ tịch

Ngày 28 tháng 3 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trưng Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0382/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương bao gồm: Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (danh sách công ty con được trình bày tại thuyết minh I.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất) (gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2015, từ trang 08 đến trang 54, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C**

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2015

Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0090-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5,134,529,620,956	3,303,871,471,651
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32,262,470,401	51,510,909,893
1. Tiền	111		31,740,212,526	34,989,741,536
2. Các khoản tương đương tiền	112		522,257,875	16,521,168,357
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2,732,366,700	4,708,925,100
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4,893,028,550	8,095,770,935
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(2,160,661,850)	(3,386,845,835)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		617,280,835,474	579,535,646,673
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	600,356,145,233	552,342,929,493
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	14,611,126,318	18,415,330,230
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	10,929,982,118	14,206,833,585
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(8,616,418,195)	(5,429,446,635)
IV. Hàng tồn kho	140		4,288,619,016,726	2,659,460,508,921
1. Hàng tồn kho	141	V.8	4,288,619,016,726	2,659,496,458,669
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(35,949,748)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		193,634,931,655	8,655,481,064
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	6,164,777,983	2,980,168,382
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		175,119,195,720	98,658,899
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.25	1,074,773,930	460,411,276
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	11,276,184,022	5,116,242,507

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,118,170,988,527	1,094,336,001,409
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		677,411,137,164	709,251,870,595
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.11	677,411,137,164	709,251,870,595
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		341,496,394,706	300,703,121,530
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	248,978,281,733	215,433,433,725
<i>Nguyên giá</i>	222		375,134,112,752	313,057,364,200
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(126,155,831,019)	(97,623,930,475)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	40,009,210,226	37,572,275,241
<i>Nguyên giá</i>	228		42,996,870,716	38,739,928,125
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,987,660,490)	(1,167,652,884)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	52,508,902,747	47,697,412,564
III. Bất động sản đầu tư	240	V.15	1,374,519,985	1,559,848,525
<i>Nguyên giá</i>	241		2,409,271,000	2,409,271,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(1,034,751,015)	(849,422,475)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		71,349,226,105	54,337,395,257
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	17,921,944,359	17,818,515,627
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	53,460,000,000	36,760,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(32,718,254)	(241,120,370)
V. Tài sản dài hạn khác	260		25,263,301,246	26,618,244,188
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	19,729,132,113	20,014,511,023
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19	4,090,796,966	5,648,536,340
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	1,443,372,167	955,196,825
VI. Lợi thế thương mại	269	V.21	1,276,409,320	1,865,521,314
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6,252,700,609,483	4,398,207,473,059

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		5,042,701,553,900	3,150,373,569,647
I. Nợ ngắn hạn	310		4,519,827,944,445	3,051,912,170,068
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	646,314,865,781	318,708,182,054
2. Phải trả người bán	312	V.23	2,646,659,200,135	1,380,621,670,757
3. Người mua trả tiền trước	313	V.24	340,965,195,610	296,442,307,202
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.25	30,327,161,489	52,859,296,334
5. Phải trả người lao động	315	V.26	9,853,913,354	9,752,988,116
6. Chi phí phải trả	316	V.27	596,666,890,032	752,357,462,031
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.28	242,473,785,170	234,778,470,576
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.29	6,201,754,532	5,320,146,283
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.30	365,178,342	1,071,646,715
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		522,873,609,455	98,461,399,579
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		174,989,000	20,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.31	516,844,951,921	92,039,587,643
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		2,512,544,186	2,801,768,663
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.32	3,341,124,348	3,600,043,273
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,171,694,778,157	1,205,702,391,491
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,171,694,778,157	1,205,702,391,491
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.33	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.33	1,841,123,840	1,841,123,840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.33	8,044,411,019	4,907,875,019
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.33	28,807,134,495	28,597,935,509
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.33	13,924,712,512	13,782,928,153
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.33	119,077,396,291	156,572,528,970
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.34	38,304,277,427	42,131,511,921
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6,252,700,609,484	4,398,207,473,059

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

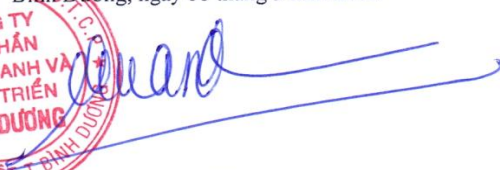
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		14,224,277	14,224,277
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		198.57	209.33
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 06 tháng 3 năm 2015



Lê Ngọc Hương
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng
Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

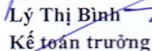
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

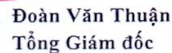
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,959,367,282,886	2,004,114,105,118
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	213,346,847,232	385,587,571,879
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,746,020,435,654	1,618,526,533,239
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,408,383,816,895	1,249,022,338,438
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		337,636,618,759	369,504,194,801
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5,424,680,374	4,981,945,078
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	62,180,746,123	50,874,416,480
Trong đó: chi phí lãi vay	23		60,836,099,868	40,729,150,946
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	87,923,611,339	92,709,445,576
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	56,231,948,567	60,918,406,809
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		136,724,993,104	169,983,871,014
11. Thu nhập khác	31	VI.7	29,493,010,269	27,838,501,490
12. Chi phí khác	32	VI.8	16,377,353,109	3,721,761,988
13. Lợi nhuận khác	40		13,115,657,160	24,116,739,502
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		103,428,732	471,337,859
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		149,944,078,996	194,571,948,375
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.25	35,668,494,293	50,224,167,115
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.19	1,557,739,374	(1,646,337,205)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>112,717,845,329</u>	<u>145,994,118,465</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(3,924,686,014)	1,041,030,511
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		<u>116,642,531,344</u>	<u>144,953,087,954</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.166</u>	<u>1.450</u>


Lê Ngọc Hương
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 06 tháng 3 năm 2015



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp gián tiếp)****Năm 2014**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		149,944,078,996	194,571,948,375
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, 13, 15, 21	35,217,893,346	28,606,793,323
- Các khoản dự phòng	03		1,716,435,711	775,269,161
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	53,620,441	(1,002,233,289)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 7, 8	(154,376,068)	(5,469,531,284)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	60,836,099,868	40,729,150,946
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		247,613,752,294	258,211,397,232
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(226,596,872,734)	74,229,125,830
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,627,851,185,779)	(962,422,721,231)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1,172,589,109,435	946,864,405,734
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2,699,230,691)	(5,305,925,934)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.27; VI.4	(53,973,375,901)	(107,647,436,968)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.25	(47,896,321,174)	(42,240,050,091)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4,621,321,000	28,438,320,984
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(15,826,538,144)	(44,413,694,571)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(550,019,341,694)	145,713,420,985
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(76,373,814,817)	(55,060,196,007)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	9,277,306,770	3,716,318,154
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(17,000,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		300,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6; VI.3	3,750,359,503	1,286,301,788
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(80,046,148,544)	(50,057,576,065)

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG


Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

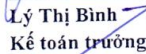
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.22, 31	1,488,027,555,915	610,698,239,630
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.22, 31	(735,615,507,910)	(644,134,221,773)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(141,594,997,258)	(53,280,628,955)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		610,817,050,747	(86,716,611,098)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(19,248,439,492)	8,939,233,822
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	51,510,909,893	42,571,676,070
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	32,262,470,401	51,510,909,893


Lê Ngọc Hương
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 06 tháng 3 năm 2015




Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và kinh doanh bất động sản.
- Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao; Lắp đặt hệ thống điện; Thoát nước và xử lý nước thải.
- Tổng số các công ty con** : 4
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 4

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân	quốc lộ 13, ấp 6, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	70,59%	70,59%
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	đường số 8, khu đô thị Chánh Nghĩa, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	78,01%	77,07%
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Đường D1 – Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	58,00%	58,00%
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Ấp 10, xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	81,00%	81,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty liên doanh TNHH Sinviet	Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	50,00%	50,00%
Trường Đại học Quốc tế miền Đông	Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ và đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	24,00%	24,00%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tập đoàn có 939 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 978 nhân viên).

8. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Trong năm Tập đoàn nhận chuyển nhượng toàn bộ dây chuyền sản xuất bê tông từ Công ty cổ phần phát triển đô thị. Việc chuyển nhượng bao gồm mua tài sản và nhận toàn bộ nhân viên của bộ phận này phục vụ cho hoạt động sản xuất Bê tông của Chi nhánh Công ty kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp Bê tông trộn sẵn Mỹ Phước.

Ngoài ra Tập đoàn còn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại khu đô thị mới thuộc khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ -đô thị Bình Dương từ Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương (Becamex ITC) để triển khai đầu tư dự án Unitown giai đoạn 3 từ năm 2014 đến 2018 và dự án TDC Dragon Hill. Giá trị chuyển nhượng đã thỏa thuận là 5.220.708.600.000 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biên động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý (được xác định bằng giá trị sổ sách) thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các công trình xây dựng dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, hàng hóa bất động sản và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất là 13 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Đầu tư tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

15. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

Chi phí phát hành trái phiếu

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ trong 05 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong năm trong thời gian từ 02 - 03 năm.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Trợ cấp thôi việc

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại các công ty trong Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại các công ty trong Tập đoàn mà không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

18. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập được ước tính bằng 05% doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

19. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

20. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

21. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

	<u>Mục đích</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm của các công ty trong Tập đoàn.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

23. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013: 21.085 VND/USD
31/12/2014: 21.375 VND/USD

24. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

25. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

26. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

27. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

28. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

29. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.764.067.365	3.842.927.242
Tiền gửi ngân hàng	28.976.145.161	31.146.814.294
Các khoản tương đương tiền (*)	522.257.875	16.521.168.357
Cộng	<u>32.262.470.401</u>	<u>51.510.909.893</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn:				-
- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	433.709	4.893.028.550	433.709	4.893.028.550
- Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	-	-	190.697	3.202.682.385
- Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	-	-	6	60.000
Cộng		<u>4.893.028.550</u>		<u>8.095.770.935</u>

Cổ phiếu Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE) và Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC) giảm do nhượng bán.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(3.386.845.835)	(2.281.647.335)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(1.105.198.500)
Hoàn nhập dự phòng	1.226.183.985	-
Số cuối năm	<u>(2.160.661.850)</u>	<u>(3.386.845.835)</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng kinh doanh hàng hoá, dịch vụ, sản xuất thành phẩm, xây dựng	198.910.325.953	262.683.246.686
Các khách hàng kinh doanh bất động sản	401.445.819.280	289.659.682.807
Cộng	<u>600.356.145.233</u>	<u>552.342.929.493</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền kinh doanh bất động sản	8.273.733.264	9.003.161.027

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch vụ	5.992.094.054	9.072.370.203
Trả trước các nhà cung cấp khác	345.299.000	339.799.000
Cộng	<u>14.611.126.318</u>	<u>18.415.330.230</u>
6. Các khoản phải thu khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng đã nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	2.290.227.184	7.229.777.410
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	413.690.802	2.094.941.506
Cổ tức phải thu	1.485.653.015	1.485.653.015
Khoản bồi thường vật tư thi công phải thu	-	616.809.261
Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã chi	2.414.050.726	972.777.790
Phải thu BHXH nộp thừa	38.203.872	-
Các khoản phải thu khác	4.288.156.519	1.806.874.603
Cộng	<u>10.929.982.118</u>	<u>14.206.833.585</u>
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	(212.426.033)	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	(765.216.346)	(375.164.712)
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	(405.259.796)	(4.707.152.433)
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	(7.233.516.020)	(347.129.490)
Cộng	<u>(8.616.418.195)</u>	<u>(5.429.446.635)</u>
Tình hình biến động dự phòng giảm giá khoản phải thu ngắn hạn như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(5.429.446.635)	(4.589.293.064)
Trích lập dự phòng bổ sung	(3.186.971.560)	(840.153.571)
Số cuối năm	<u>(8.616.418.195)</u>	<u>(5.429.446.635)</u>
8. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	-	130.722.952
Nguyên liệu, vật liệu	33.585.017.201	20.704.699.591
Công cụ dụng cụ	1.501.561.809	1.258.171.497
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ^(*)	3.764.845.674.173	2.088.163.192.666
Thành phẩm	3.135.871.021	4.673.394.521
Hàng hóa	485.541.570.960	544.557.952.352
Hàng gửi đi bán	9.321.562	8.325.090
Cộng	<u>4.288.619.016.726</u>	<u>2.659.496.458.669</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Quyền sử dụng đất tại Khu đô thị - công nghiệp - dịch vụ VSIP Hải Phòng có giá trị sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 310.798.337.294 VND được dùng thế chấp tại Ngân hàng liên doanh VID Public - Chi nhánh Bình Dương để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng này.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.647.365.456	1.521.072.860
Chi phí trước bạ	3.501.372.236	-
Chi phí khác	1.016.040.291	1.459.095.522
Cộng	<u>6.164.777.983</u>	<u>2.980.168.382</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	10.966.790.974	5.106.242.507
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	309.393.048	10.000.000
Cộng	<u>11.276.184.022</u>	<u>5.116.242.507</u>

11. Phải thu dài hạn của khách hàng

Phải thu khách hàng theo tiến độ trả góp căn hộ.

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	107.443.843.824	93.109.018.071	96.561.122.062	2.799.272.941	13.144.107.302	313.057.364.200
Tăng trong năm	6.416.834.527	18.177.198.231	48.101.675.612	104.984.600	-	72.800.692.970
Mua trong năm	198.452.814	65.454.546	561.250.000	-	-	825.157.360
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.218.381.713	18.111.743.685	46.639.965.612	104.984.600	-	71.075.075.610
Tăng khác	-	-	900.460.000	-	-	900.460.000
Giảm trong năm	(5.183.290.697)	-	(5.335.742.631)	(204.911.090)	-	(10.723.944.418)
Thanh lý, nhượng bán	(5.183.290.697)	-	(5.314.114.813)	(204.911.090)	-	(10.702.316.600)
Giảm khác	-	-	(21.627.818)	-	-	(21.627.818)
Số cuối năm	<u>108.677.387.654</u>	<u>111.286.216.302</u>	<u>139.327.055.043</u>	<u>2.699.346.451</u>	<u>13.144.107.302</u>	<u>375.134.112.752</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.637.685.643	1.423.250.888	4.831.469.709	679.572.091	213.400.289	9.785.378.620
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	22.296.796.246	28.046.811.394	42.954.757.630	1.246.518.356	3.079.046.849	97.623.930.475
Khấu hao trong năm	8.657.608.102	9.805.320.465	13.155.641.596	378.029.547	626.845.496	32.623.445.206
Thanh lý, nhượng bán	(1.042.404.015)	-	(2.948.903.284)	(100.237.363)	-	(4.091.544.662)
Số cuối năm	<u>29.912.000.333</u>	<u>37.852.131.859</u>	<u>53.161.495.942</u>	<u>1.524.310.540</u>	<u>3.705.892.345</u>	<u>126.155.831.019</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	85.147.047.578	65.062.206.677	53.606.364.432	1.552.754.585	10.065.060.453	215.433.433.725
Số cuối năm	<u>78.765.387.321</u>	<u>73.434.084.443</u>	<u>86.165.559.101</u>	<u>1.175.035.911</u>	<u>9.438.214.957</u>	<u>248.978.281.733</u>
<i>Trong đó:</i>						

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 300.132.495.405 VND và 206.220.591.668 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bình Dương.

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	38.521.407.382	218.520.743	38.739.928.125
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.256.942.591	-	4.256.942.591
Số cuối năm	42.778.349.973	218.520.743	42.996.870.716
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	26.200.000	26.200.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	982.666.689	184.986.195	1.167.652.884
Khấu hao trong năm	1.802.513.050	17.494.556	1.820.007.606
Số cuối năm	2.785.179.739	202.480.751	2.987.660.490
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	37.538.740.693	33.534.548	37.572.275.241
Số cuối năm	39.993.170.234	16.039.992	40.009.210.226
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua quyền sử dụng đất	32.976.587.546	11.701.136.364	-	-	44.677.723.910
Mua sắm tài sản cố định	7.765.575.245	70.170.373.619	(68.287.636.488)	(6.609.799.000)	3.038.513.376
XDCB dở dang	6.955.249.773	4.528.876.099	(7.044.381.713)	(22.549.345)	4.417.194.814

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	375.470.647	-	-	375.470.647
Cộng	47.697.412.564	86.775.856.729	(75.332.018.201)	(6.632.348.345)	52.508.902.747

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	2.409.271.000
Số cuối năm	2.409.271.000
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	849.422.475
Khấu hao trong năm	185.328.540
Số cuối năm	1.034.751.015
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	1.559.848.525
Số cuối năm	1.374.519.985
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất tại An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH Sinviet ⁽ⁱ⁾	50,00%	3.592.161.518	50,00%	3.418.515.627
Trường Đại học quốc tế Miền Đông ⁽ⁱⁱ⁾	24,00%	14.329.782.841	24,00%	14.400.000.000
Cộng		17.921.944.359		17.818.515.627

(i) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông 14.400.00.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ.

Tình hình biến động đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Tăng (giảm) khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty TNHH Sinviet	3.418.515.627	306.235.891	(132.590.000)	3.592.161.518

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Giá trị phần sở hữu đầu năm</u>	<u>Phản lãi hoặc lỗ trong năm</u>	<u>Tăng (giảm) khác</u>	<u>Giá trị phần sở hữu cuối năm</u>
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	14.400.000.000	(8.976.459)	(61.240.700)	14.329.782.841
Cộng	17.818.515.627	297.259.432	(193.830.700)	17.921.944.359

17. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu:				
- Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
- Công ty cổ phần dược Becamex	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
- Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước ⁽ⁱ⁾	3.400.000	30.800.000.000	1.700.000	13.800.000.000
- Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	1.464.000	14.640.000.000	1.464.000	14.640.000.000
- Công ty cổ phần bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	30.000	300.000.000
Cộng		53.460.000.000		36.760.000.000

(i) Trong năm Tập đoàn mua thêm 1.700.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước tương đương 17.000.000.000 VND.

(ii) Giám do thu hồi lại vốn đã đầu tư.

18. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
	Tiền thuê đất	3.990.983.808	-	(136.622.352)	-
Chi phí thuê văn phòng	8.701.130.312	1.915.259.577	(6.904.085.812)	(84.354.514)	3.627.949.563
Công cụ, dụng cụ	152.118.080	4.100.300.587	(191.580.890)	-	4.060.837.777
Chi phí phát hành trái phiếu	-	4.072.727.273	(67.878.787)	-	4.004.848.486
Chi phí khác	7.170.278.823	1.288.970.050	(4.231.589.697)	(46.524.345)	4.181.134.831
Cộng	20.014.511.023	11.377.257.487	(11.531.757.538)	(130.878.859)	19.729.132.113

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.648.536.340	4.002.199.135
Số phát sinh	-	1.646.337.205
Số hoàn nhập	(1.557.739.374)	-
Số cuối năm	4.090.796.966	5.648.536.340

20. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Lợi thế thương mại

Nguyên giá

Số đầu năm

2.945.559.970

Số cuối năm

2.945.559.970

Số đã phân bổ

Số đầu năm

1.080.038.656

Phân bổ trong năm

589.111.994

Số cuối năm

1.669.150.650

Giá trị còn lại

Số đầu năm

1.865.521.314

Số cuối năm

1.276.409.320

22. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	612.725.665.781	289.303.232.054
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	461.874.379.681	219.917.326.569
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	107.292.069.800	39.089.084.803
- Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	43.559.216.300	30.296.820.682
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.31)	33.589.200.000	29.404.950.000
Cộng	646.314.865.781	318.708.182.054

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn kinh doanh và thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất thuê dài hạn của Tập đoàn.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, thanh toán tiền hàng, nhân công. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải và tài sản gắn liền với đất gồm: nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ăn, nhà xe công nhân, nhà vệ sinh công nhân, nhà bảo vệ, hệ thống điện, phòng cháy chữa cháy, kết cấu thủy đài và các công trình xây dựng phụ gắn liền.

(iii) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	318.708.182.054	221.470.911.992
Số tiền vay phát sinh	1.025.867.391.637	553.105.020.639
Kết chuyển từ vay dài hạn	31.680.300.000	21.503.900.000
Số tiền vay đã trả	(729.941.007.910)	(477.371.650.577)
Số cuối năm	646.314.865.781	318.708.182.054

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	172.747.737.286	158.162.324.491
Phải trả tiền hàng hóa bất động sản, xây dựng	2.471.766.550.445	1.213.669.813.253
Phải trả các nhà cung cấp khác	2.144.912.404	8.789.533.013
Cộng	<u>2.646.659.200.135</u>	<u>1.380.621.670.757</u>

24. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản	82.533.484.795	235.228.175.355
Các khoản người mua trả tiền trước khác	258.431.710.815	61.214.131.847
Cộng	<u>340.965.195.610</u>	<u>296.442.307.202</u>

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Tăng / giảm khác</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa (*)	12.142.966.681	9.783.483.769	-	(20.337.586.501)	1.588.863.949
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	331.031.361	-	(331.031.361)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	261.170.361	-	(261.170.361)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	40.489.953.295	35.668.494.294	(351.790.875)	(47.854.513.205)	27.952.143.509
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	41.807.969	50.925.884	-	(41.807.969)	50.925.884
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(275.842.887)	786.901.415	(7.813.484)	(1.032.680.827)	(529.435.783)
Các loại thuế khác	-	14.578.131.943	-	(14.426.219.943)	151.912.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	449.239.340	-	(411.261.340)	37.978.000
Cộng	<u>52.398.885.058</u>	<u>61.909.378.367</u>	<u>(359.604.359)</u>	<u>(84.696.271.507)</u>	<u>29.252.387.559</u>

(*) Trong đó, các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước, bao gồm:

- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa của Công ty mẹ với giá trị 617.919.034 VND.
- Thuế GTGT hàng bán nội địa nộp thừa của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt với giá trị 45.741.978 VND.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân nộp thừa của Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân với giá trị lần lượt là 408.880.870 VND và 2.232.048 VND.

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex được nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và áp dụng thuế suất phổ thông cho các năm còn lại đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

Thu nhập khác của Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex và thu nhập của các Công ty khác trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước thuế suất là 25%).

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn	35.616.839.675
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(160.298.490)
- Chênh lệch thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất khác thuế suất phổ thông	(149.611.924)
- Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	361.565.032
Cộng	<u><u>35.668.494.293</u></u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Các Công ty trong Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

26. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng và tiền phép năm còn phải trả cho nhân viên.

27. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	419.601.696	1.680.627.979
Trích trước chi phí hoa hồng	14.581.818	3.185.221.608
Lãi cổ tức trả chậm	17.204.545.050	9.080.794.800
Trích trước chi phí công trình	578.855.078.867	736.673.209.135
Chi phí khác	173.082.601	1.737.608.509
Cộng	<u><u>596.666.890.032</u></u>	<u><u>752.357.462.031</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

28. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	984.213.547	707.038.576
Cổ tức phải trả	200.503.365.392	200.440.137.192
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	27.124.671.144	24.831.684.749
Tiền mua cổ phần	-	5.010.245.948
Hoa hồng môi giới	148.867.703	135.050.763
Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án	5.740.602.000	50.000.000
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	1.174.765.191	923.718.008
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.797.300.193	2.680.595.340
Cộng	<u>242.473.785.170</u>	<u>234.778.470.576</u>

29. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.320.146.283	10.961.941.487
Tăng do trích lập trong năm	3.207.129.646	5.175.310.775
Tăng khác	1.219.092.124	63.644.427
Số đã sử dụng	(2.211.542.453)	(1.105.336.585)
Hoàn nhập trong năm	(1.333.071.068)	(8.050.331.722)
Chuyển sang dự phòng phải trả dài hạn	-	(1.582.676.539)
Giảm do thanh lý hợp đồng	-	(142.405.560)
Số cuối năm	<u>6.201.754.532</u>	<u>5.320.146.283</u>

30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	(970.083.790)	7.794.061.928	100.000.000	(10.834.214.215)	(3.910.236.077)
Quỹ phúc lợi	558.970.604	1.643.151.626	-	(676.256.500)	1.525.865.730
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	509.982.111	1.381.118.359	17.260.000	(1.572.862.507)	335.497.963
Cộng	<u>98.868.925</u>	<u>10.818.331.913</u>	<u>117.260.000</u>	<u>(13.083.333.222)</u>	<u>(2.048.872.384)</u>

Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt tại các công ty trong Tập đoàn được trình bày ở chi tiêu Các khoản phải thu khác với tổng số tiền là 2.414.050.726 VND (tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là 972.777.790 VND) (xem thuyết minh số V.6).

31. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	116.844.951.921	92.039.587.643
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	48.924.751.921	57.777.587.643

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	67.408.000.000	30.714.000.000
- Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương	-	3.548.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Phước ⁽ⁱⁱⁱ⁾	185.500.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - chi nhánh Bình Dương ^(iv)	326.700.000	-
Trái phiếu có đảm bảo ^(v)	400.000.000.000	-
Cộng	516.844.951.921	92.039.587.643

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đầu tư xây dựng dự án khu phố thương mại Uni-Town (giai đoạn 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương trị giá 556.668.000.000 VNĐ.
- (ii) Bao gồm các khoản vay sau:
- Vay để mua Nhà máy sản xuất bê tông Sóng Thần 3 và Mỹ Phước 1. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình và vô hình.
 - Vay không có tài sản đảm bảo để xây dựng dự án nhà máy sản xuất cửa nhựa lõi thép, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng. Số tiền vay được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng vay.
 - Vay để thực hiện dự án đầu tư nâng công suất sản xuất gạch đất sét và nâng công suất khai thác đất sét. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai gồm nhà xưởng, văn phòng, công trình xây dựng phụ gắn liền thuộc khuôn viên nhà máy và dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất gạch, phương tiện vận tải, xe máy chuyên dùng và quyền khai thác tài nguyên (sét gạch ngói) với diện tích 17,2 ha.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Phước để mua sắm xe ô tô tải phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bình Dương để mua sắm tài sản cố định, thời hạn vay 48 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình.
- (v) Trái phiếu phát hành để thanh toán tiền mua đất khu Phú Chánh C, D cho Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên.
- Ngày phát hành: 27/12/2014
 - Ngày đáo hạn: 27/12/2019
 - Kỳ hạn trái phiếu: 5 năm
 - Kỳ trả lãi: 6 tháng/lần
 - Lãi suất: Năm đầu tiên: 12%/năm. Từ kỳ thứ ba trở đi lãi suất trái phiếu được xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu được xác định bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng gồm Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng biên độ 4,0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tài sản Bảo đảm: 16 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích 119.296,1 m² quy hoạch xây dựng khu nhà liên kế, nhà phố thuộc dự án Khu dân cư Hòa Lợi nằm trong Khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH Một thành viên (Becamex IDC).

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dưới 01 năm	586.078.477.914	29.404.950.000
Trên 01 năm đến 05 năm	516.844.951.921	92.039.587.643
Tổng nợ	<u>1.102.923.429.835</u>	<u>121.444.537.643</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	92.039.587.643	62.160.164.278	(5.674.500.000)	(31.680.300.000)	116.844.951.921
Trái phiếu có bảo đảm	-	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000
Cộng	<u>92.039.587.643</u>	<u>462.160.164.278</u>	<u>(5.818.600.000)</u>	<u>(31.536.200.000)</u>	<u>516.844.951.921</u>

32. Doanh thu chưa thực hiện

Tiền bán nhà trả góp.

33. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Cổ tức

Trong năm, Tập đoàn đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 141.594.997.258 VND (năm trước là 53.280.628.955 VND).

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

34. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	42.131.511.921	42.608.221.540
Tăng do đầu tư	-	640.000.000
Lợi nhuận từ kết quả kinh doanh	(3.924.686.014)	1.041.030.511
Thanh lý Công ty con	(780.000.000)	(148.307.091)
Tăng khác	2.535.676.978	84.720.984
Cổ tức đã trả	(1.658.225.458)	(2.094.154.023)
Số cuối năm	<u>38.304.277.427</u>	<u>42.131.511.921</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.959.367.282.886	2.004.114.105.118
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	304.896.302.803	139.662.605.414
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	236.929.118.791	228.885.979.462
- <i>Doanh thu xây dựng, kinh doanh bất động sản</i>	1.406.465.892.235	1.631.022.582.783
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	11.075.969.057	4.542.937.459
Các khoản giảm trừ doanh thu (Hàng bán bị trả lại)	(213.346.847.232)	(385.587.571.879)
Doanh thu thuần	<u>1.746.020.435.654</u>	<u>1.618.526.533.239</u>

Trong đó:

- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	304.558.816.933	139.662.605.414
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	236.909.754.710	228.808.134.896
- <i>Doanh thu thuần xây dựng, kinh doanh bất động sản</i>	1.193.475.894.954	1.245.512.855.470
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	11.075.969.057	4.542.937.459

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng hóa	276.436.095.716	112.871.766.359
Giá vốn bán thành phẩm	164.158.790.930	165.853.110.968
Giá vốn xây dựng, kinh doanh bất động sản	956.845.708.702	966.228.929.480
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.353.025.227	4.131.400.464
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(35.949.748)	(62.868.833)
Dự phòng chi phí bảo hành	1.626.146.068	-
Cộng	<u>1.408.383.816.895</u>	<u>1.249.022.338.438</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	343.477.903	457.078.844
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	320.882.696	282.483.783
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.406.881.600	1.740.061.651
Lãi bán hàng trả chậm	991.514.009	1.063.867.994
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.002.233.289
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.933.549	1.719.374
Doanh thu tài chính khác	352.990.617	434.500.143
Cộng	<u>5.424.680.374</u>	<u>4.981.945.078</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	52.712.349.618	40.729.150.946
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.963.034.797	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	53.620.441	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(1.434.586.101)	(2.015.577)
Chi phí lãi trả chậm cổ tức	8.123.750.250	9.080.794.800
Lỗ do thanh lý cổ phiếu	686.441.385	-
Chi phí khác	76.135.733	1.066.486.311
Cộng	<u>62.180.746.123</u>	<u>50.874.416.480</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	23.203.599.479	26.851.129.773
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	743.583.209	1.733.956.162
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.168.417.856	3.625.141.367
Chi phí hoa hồng môi giới	4.226.447.252	13.140.473.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.505.189.003	12.017.445.771
Chi phí khác	45.076.374.540	35.341.298.903
Cộng	<u>87.923.611.339</u>	<u>92.709.445.576</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	25.281.540.784	29.299.984.367
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.403.355.730	2.161.039.590
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.900.550.540	4.326.910.532
Thuế, phí và lệ phí	276.776.489	-
Chi phí dự phòng	2.910.195.071	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.578.161.281	4.292.826.599
Chi phí khác	14.881.368.672	20.837.645.721
Cộng	<u>56.231.948.567</u>	<u>60.918.406.809</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	9.277.306.770	4.107.227.245
Xử lý vật tư hàng hóa thừa	-	1.417.804.770
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	3.649.639.652	8.050.331.722
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	9.163.417.656	12.831.634.376
Thu nhập khác	7.402.646.191	1.431.503.377
Cộng	<u>29.493.010.269</u>	<u>27.838.501.490</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	6.610.771.937	1.306.174.315
Giá trị chi phí đầu tư xây dựng cơ bản thanh lý	6.365.947.000	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	1.065.902.934
Chi phí khác	3.400.634.172	1.349.684.739
Cộng	<u>16.377.353.109</u>	<u>3.721.761.988</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	116.642.531.344	144.953.087.954
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	116.642.531.344	144.953.087.954
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	100.000.000	100.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.166</u>	<u>1.450</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	445.113.526.032	375.417.883.533
Chi phí nhân công	114.954.947.153	102.079.156.371
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.217.893.346	28.017.681.329
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.187.689.826	41.842.211.610
Chi phí khác	117.686.230.986	112.013.280.729
Cộng	<u>776.160.287.343</u>	<u>659.370.213.572</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.640.000.000	1.365.000.000
Tiền thưởng	751.180.000	575.700.000
Cộng	<u>2.391.180.000</u>	<u>1.940.700.000</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	Công ty mẹ
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên kết
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (IJC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam Singapore (VSIP)	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương (ITC)	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang	Công ty góp vốn vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Xuất bán hàng hoá và dịch vụ	200.544.445.906	126.517.438.045
Cổ tức phải trả	84.980.700.000	78.910.650.000
Thu hộ tiền bán đất	-	863.742.136.059
Phí dịch vụ và tiền thuê đất	418.546.719	4.289.541.764
Thi công công trình xây dựng	327.065.184.904	264.184.204.254
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	355.482.371.916	-
Mua nguyên vật liệu	77.326.050.539	-
Lãi trả chậm cổ tức	8.123.750.250	9.080.794.800
Nhận cung cấp dịch vụ	6.678.160.685	-
Mua tài sản	1.199.432.131	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật</i>		
Bán gạch	75.468.000	189.185.000
<i>Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ)</i>		
Mua nguyên vật liệu	1.110.256.316	-
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	3.305.455	3.915.664.446
Mua tài sản	63.205.743.685	-
Trả tiền mua cổ phần	5.010.245.948	-
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	18.487.755.888	4.474.473.702
Cổ tức được chia	-	286.045.500
Cung cấp dịch vụ	667.372.249	-
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	7.158.378.165	970.520.154
Mua nguyên vật liệu	641.023.781	-
Cung cấp dịch vụ	-	315.433.400
Cổ tức được chia	-	24.000
<i>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</i>		
Ứng tiền thi công công trình	-	23.771.899.850
Cho thuê căn hộ	162.200.002	-
Thi công công trình	145.514.076.386	-
Cổ tức được chia	2.720.000.000	-
Bán thành phẩm	6.081.816	-
Mua dịch vụ	1.183.600	-
<i>Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông</i>		
Ứng tiền thi công công trình	-	150.956.929.401
Thi công công trình	2.367.879.804	-
<i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i>		
Cổ tức được chia	216.854.500	433.709.000
Mua nguyên vật liệu	16.645.928.210	2.199.572.355
Bán thành phẩm	-	11.363.640
<i>Công ty liên doanh TNHH SinViet</i>		
Mua nước tinh khiết	13.877.000	9.480.000
<i>Công ty cổ phần dược Becamex</i>		
Mua đất nền	32.108.116.727	42.160.008.550
Cổ tức được chia	71.400.000	-
Nhận cung cấp dịch vụ	23.374.500	-
Cho thuê cửa hàng	-	60.000.000
<i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang</i>		
Mua đá	804.262.441	888.132.707
Bán xi măng thành phẩm	-	25.818.881.914

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mượn tiền	500.000.000	-
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương		
Mua bất động sản	1.630.088.595.645	-
Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.		
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Tiền bán nguyên vật liệu	1.212.667.000	258.692.500
Xây dựng công trình	23.520.035.343	15.991.366.700
Bán bất động sản	31.990.193.487	79.975.491.156
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương		
Tiền bán nguyên vật liệu, thành phẩm	8.396.945.981	7.584.503.483
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật		
Tiền bán nguyên vật liệu, thành phẩm	-	172.430.500
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Tiền bán nguyên vật liệu, thành phẩm	6.263.704.303	97.384.000
Công ty cổ phần phát triển đô thị		
Bán thành phẩm	-	5.056.245.504
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước		
Phải trả thuê căn hộ	-	50.760.000
Phải thu thi công xây dựng công trình	10.207.064.625	-
Bán thành phẩm	3.344.998	-
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore		
Xây dựng công trình	3.278.276.802	3.278.276.802
Công ty cổ phần dược Becamex		
Cho thuê căn hộ	-	198.000.000
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông		
Xây dựng công trình	13.192.291.202	65.052.623.418
Cộng nợ phải thu	<u>98.064.523.741</u>	<u>177.715.774.063</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Thu hộ tiền bán đất	-	891.535.938.857

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền thuê đất và phí quản lý	3.061.173.963	3.574.687.034
Cổ tức phải trả	200.311.650.000	200.311.650.000
Lãi trả chậm cho khoản cổ tức chưa chi	17.204.545.050	9.080.794.800
Ứng trước tiền xây dựng công trình	257.070.429.514	23.382.740.069
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	-	1.921.029.000
Phải trả tiền mua đất	450.298.088.857	-
Nhận cung cấp dịch vụ	26.039.880	-
Phải trả tiền thuê đất, phí xử lý nước thải	2.290.964.682	-
Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ)		
Phải trả tiền mua cổ phần	-	5.010.245.948
Công ty liên doanh TNHH SinViet		
Mua nước tinh khiết	936.100	-
Công ty cổ phần dược Becamex		
Ứng trước thi công công trình	-	6.000.000.000
Mua đất nền	121.453.617.548	138.561.138.550
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương		
Phải trả tiền mua bất động sản	1.766.502.482.217	-
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex		
Mua nguyên vật liệu	9.490.274.410	2.230.432.500
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Mua nguyên vật liệu	1.075.455.201	346.976.740
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước		
Ứng tiền thi công công trình	-	23.771.899.850
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang		
Phải trả tiền mua đá	115.056.450	775.188.000
Cộng nợ phải trả	<u>2.828.900.713.872</u>	<u>1.306.502.721.348</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại, dịch vụ: kinh doanh vật liệu xây dựng, dịch vụ tư vấn,...
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bê tông nhựa nóng, vật liệu xây dựng,...
- Lĩnh vực xây dựng kinh doanh bất động sản: xây dựng và kinh doanh các căn hộ.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Các khách hàng liên quan đến hoạt động thương mại và sản xuất chủ yếu là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên và các công ty cùng Tập đoàn nên khả năng thu hồi vốn luôn được đảm bảo. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, Tập đoàn yêu cầu khách hàng phải thanh toán đầy đủ và đúng tiến độ mới bàn giao nhà cho khách hàng. Riêng đối với trường hợp mua nhà trả trong nhiều năm, bộ phận kinh doanh bất động sản theo dõi chi tiết thời hạn thanh toán để có thể thu tiền đúng tiến độ.

Bên cạnh đó, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc các bộ phận khác để thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.262.470.401	-	32.262.470.401
Phải thu khách hàng	1.265.517.581.194	12.249.701.203	1.277.767.282.397
Các khoản phải thu khác	6.922.249.545	604.325.204	7.526.574.749
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	46.460.000.000	11.893.028.550	58.353.028.550
Cộng	1.351.162.301.140	24.747.054.957	1.375.909.356.097
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.510.909.893	-	51.510.909.893
Phải thu khách hàng	1.256.165.353.453	5.429.446.635	1.261.594.800.088
Các khoản phải thu khác	4.874.533.704	-	4.874.533.704
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	22.120.060.000	22.735.710.935	44.855.770.935
Cộng	1.334.670.857.050	28.165.157.570	1.362.836.014.620

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	646.314.865.781	516.844.951.921	1.163.159.817.702
Phải trả người bán	2.646.659.200.135	-	2.646.659.200.135
Các khoản phải trả khác	831.241.094.464	174.989.000	831.416.083.464
Cộng	4.129.955.762.380	517.019.940.921	4.641.235.101.301
Số đầu năm			
Vay và nợ	318.708.182.054	92.039.587.643	410.747.769.697
Phải trả người bán	1.380.621.670.757	-	1.380.621.670.757
Các khoản phải trả khác	985.505.176.023	20.000.000	985.525.176.023
Cộng	2.684.835.028.834	92.059.587.643	2.776.894.616.477

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Tài sản /(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ USD của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	198,57	209,33
Các khoản phải thu khác	31.128,00	-
Phải trả người bán	(2.999,49)	(1.437.562,50)
Các khoản phải trả khác	-	(13.075.720,00)
Tài sản /(Nợ phải trả) thuần có gốc USD	<u>28.327,08</u>	<u>(14.513.073,17)</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ tăng/giảm 9.445.664 VND (năm trước giảm/tăng 4.590.122.217 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Tập đoàn có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.163.159.817.702 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 362.524.986.919 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 18.145.293.156 VND (năm trước giảm/tăng 5.437.874.804 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi ngân hàng	-	3.000.000.000
Phải thu khách hàng, quyền quản lý, nguồn thu dự án TDC Plaza	-	26.000.000.000
Phải thu khách hàng, quyền quản lý, nguồn thu dự án Unitown	-	137.000.000.000
Cộng	-	166.000.000.000

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không có tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính được trình bày ở Phụ lục 03 trang 55 đính kèm.

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ	1.163.159.817.702	410.747.769.697	1.163.159.817.702	410.747.769.697
Phải trả người bán	2.646.659.200.135	1.380.621.670.757	2.646.659.200.135	1.380.621.670.757
Các khoản phải trả khác	831.416.083.464	985.525.176.023	831.416.083.464	985.525.176.023
Cộng	4.641.235.101.301	2.776.894.616.477	4.641.235.101.301	2.776.894.616.477

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay và phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Bình Dương, ngày 06 tháng 3 năm 2015

 _____ Lê Ngọc Hương Người lập biểu	 _____ Lý Thị Bình Kế toán trưởng	 _____ Đoàn Văn Thuận Tổng Giám đốc
--	---	--



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

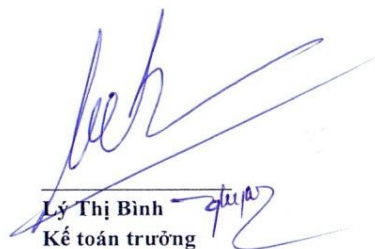
Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,793,855,523	-	28,435,349,121	13,620,341,765	154,743,680,703	1,203,434,350,952
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	144,953,087,954	144,953,087,954
phân phối các quỹ	-	-	114,019,496	-	162,586,388	162,586,388	(12,422,754,415)	(11,983,562,143)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(130,000,000,000)	(130,000,000,000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(701,485,272)	(701,485,272)
Số dư cuối năm trước	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,907,875,019	-	28,597,935,509	13,782,928,153	156,572,528,970	1,205,702,391,490
Số dư đầu năm nay	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,907,875,019	-	28,597,935,509	13,782,928,153	156,572,528,970	1,205,702,391,490
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	116,642,531,344	116,642,531,344
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	209,198,986	141,784,359	(11,169,315,258)	(10,818,331,913)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(140,000,000,000)	(140,000,000,000)
Lợi nhuận dùng tăng vốn trong năm	-	-	3,136,536,000	-	-	-	(4,021,200,000)	(884,664,000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	1,052,851,235	1,052,851,235
Số dư cuối năm nay	1,000,000,000,000	1,841,123,840	8,044,411,019	-	28,807,134,495	13,924,712,512	119,077,396,290	1,171,694,778,156



Lê Ngọc Hương
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 06 tháng 3 năm 2015

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	315,634,785,991	236,909,754,710	1,193,475,894,954	-	1,746,020,435,654
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	315,634,785,991	236,909,754,710	1,193,475,894,954	-	1,746,020,435,654
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	20,323,762,458	31,935,219,650	197,454,025,313	-	249,713,007,420
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(56,231,948,567)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					193,481,058,854
Doanh thu hoạt động tài chính					5,424,680,374
Chi phí tài chính					(62,180,746,123)
Thu nhập khác					29,493,010,269
Chi phí khác					(16,377,353,109)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					103,428,732
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(35,668,494,293)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1,557,739,374)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					112,717,845,329
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	159,490,139,573	15,720,610,204	-	175,210,749,777
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	338,642,481	33,996,870,227	11,825,026,182	-	46,160,538,890
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	144,205,542,873	228,808,134,896	1,245,512,855,470	-	1,618,526,533,239
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	144,205,542,873	228,808,134,896	1,245,512,855,470	-	1,618,526,533,239
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	20,496,470,231	40,595,020,626	215,703,258,367	-	276,794,749,225
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(60,918,406,809)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					215,876,342,415
Doanh thu hoạt động tài chính					4,981,945,078
Chi phí tài chính					(50,874,416,480)
Thu nhập khác					27,838,501,490
Chi phí khác					(3,721,761,988)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					471,337,859
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(50,224,167,115)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					1,646,337,205
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					145,994,118,465
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	38,955,839,582	31,242,254,787	-	70,198,094,369
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	30,986,061	25,673,766,691	10,205,611,585	-	35,910,364,337
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

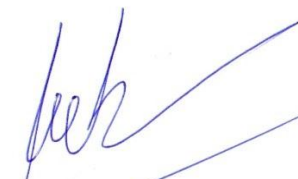
Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	61,080,441,059	417,061,918,265	5,460,743,760,947	-	5,938,886,120,271
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					313,814,489,213
Tổng tài sản					6,252,700,609,484
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	341,163,164,970	200,030,191,307	3,175,662,952,173	-	3,716,856,308,450
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					1,325,845,245,450
Tổng nợ phải trả					5,042,701,553,900
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	147,519,495,047	420,378,569,682	3,684,999,050,318	-	4,252,897,115,047
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					145,310,358,012
Tổng tài sản					4,398,207,473,059
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	63,471,427,662	178,262,180,669	1,552,748,154,419	-	1,794,481,762,750
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					1,355,891,806,897
Tổng nợ phải trả					3,150,373,569,647



Lê Ngọc Hương



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 06 tháng 3 năm 2015

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 3: Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	32,262,470,401	-	51,510,909,893	-	32,262,470,401	51,510,909,893
Phải thu khách hàng	1,277,767,282,397	(8,616,418,195)	1,261,594,800,088	(5,429,446,635)	1,155,743,732,101	752,635,957,890
Các khoản phải thu khác	7,526,574,749	-	4,874,533,704	-	7,526,574,749	4,874,533,704
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	58,353,028,550	(2,193,380,104)	44,855,770,935	(3,627,966,205)	56,159,648,446	41,227,804,730
Cộng	1,375,909,356,097	(10,809,798,298)	1,362,836,014,620	(9,057,412,840)	1,251,692,425,697	850,249,206,217

Lê Ngọc Hường
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 06 tháng 3 năm 2015

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc